

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 25-5-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đoàn Thị Huệ

2. Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 06-01-2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 và Thông báo số: 43/TB-TA ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lâm Đức T**, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

2. Bị đơn: Chị **Lê Triệu Kiều M**, sinh năm 1996 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 07/10/2019, biên bản hòa giải ngày 18/02/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Lâm Đức T trình bày:*

Anh và chị Lê Triệu Kiều M chung sống với nhau năm 2015 có đăng ký kết hôn và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Cuộc sống vợ chồng thật sự hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân Kiều M có người đàn ông khác bên ngoài, bởi vì anh làm cán bộ kỹ thuật ở Trại thực nghiệm sản xuất giống thủy sản Thứ 6 Biển nên thường xuyên ít khi về nhà (làm

từ thứ hai đến thứ 6 ngủ ở cơ quan; thứ 7 và chủ nhật thì đi học ở Rạch Giá), thỉnh thoảng cơ quan có giải quyết cho về nếu có việc cần, từ đó làm cho Kiều M có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác, cụ thể vào đêm 16/9/2019 anh không ngủ được nên có mở điện thoại của Kiều M lên xem thì phát hiện hình ảnh Kiều M chụp chung với người đàn ông khác trên zalo và nhiều cuộc gọi qua lại với nhau trong máy điện thoại, khi đó anh có kêu Kiều M thức dậy để nói chuyện, ban đầu Kiều M không thừa nhận có quen biết với người đàn ông đó nhưng sau đó thì thừa nhận hai người có quen biết với nhau. Đến sáng ngày 17/9/2019 gia đình hai bên cha mẹ có đến đề hòa giải cho vợ chồng nhưng anh không đồng ý tiếp tục chung sống với Kiều M, khi đó cha vợ có lời lẽ đe dọa đối với Kiều M nên gia đình anh cũng lo lắng nên để Kiều M ở lại đến ngày 20/9/2019 gia đình hai bên tiếp tục hòa giải lần nữa nhưng anh vẫn không đồng ý, cho đến ngày 22/9/2019 Kiều M về nhà cha mẹ ruột ở ấp L, xã Đ sinh sống và vợ chồng thật sự ly thân nhau từ đó đến nay. Từ khi ly thân đến nay vợ chồng không còn liên lạc gì qua lại với nhau.

Về con: Vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Trường H, sinh ngày 07/6/2016.

Về tài sản: Khi gửi đơn khởi kiện anh xác định vợ chồng không có tài sản chung là vì để vợ chồng tự thỏa thuận với nhau, nay anh xác định vợ chồng có tài sản chung, cụ thể khi cưới cha mẹ ruột 21 chỉ vàng 24k (loại vàng 9999) và mẹ ruột anh là bà Dương Thị K quản lý nhưng đã giao lại anh và vợ chồng đã tự thỏa thuận phân chia.

Về nợ: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng.

Nay yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xin ly hôn với chị Lê Triệu Kiều M;
2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Kiều M cấp dưỡng nuôi con, vì hiện tại anh đang làm cán bộ kỹ thuật ở Trại thực nghiệm sản xuất giống thủy sản Thứ 6 Biển thu nhập ổn định mỗi tháng hơn 4.000.000 đồng;
3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia và đã phân chia xong, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2020, biên bản hòa giải ngày 18/02/2020, văn bản ngày 16/3/2020 và trong quá trình xét xử, bị đơn chị Lê Triệu Kiều M trình bày:*

Về thời gian chị và anh Lâm Đức T cưới nhau, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, họ tên ngày tháng năm sinh của con; vợ chồng có tài sản chung, không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ

chồng, không tranh chấp là hoàn toàn đúng như ý kiến trình bày của anh T nêu trên.

Về mâu thuẫn vợ chồng theo anh T trình bày trên là không đúng, do chị bán hàng qua mạng nên cần nhiều mối quan hệ nên từ đó chị có kết bạn với nhiều người, anh T chỉ thấy chị chụp hình chung với người đàn ông khác và gọi điện thoại qua lại với nhau mà cho rằng chị có tình cảm với người đàn ông khác bên ngoài dẫn đến không chung thủy với anh, chứ ngoài ra vợ chồng không có bất kỳ mâu thuẫn nào khác. Về thời gian gia đình cha mẹ hai bên tổ chức hòa giải hai lần để vợ chồng đoàn tụ và vợ chồng ly thân nhau theo anh T trình bày trên là đúng, kể từ khi ly thân nhau đến nay chị xác định vợ chồng không còn liên lạc gì với nhau.

Đối với con: Hiện tại chị đang cho cháu theo học mầm non tại Trường tiểu học Đ 2 và cháu vẫn phát triển bình thường, hàng ngày chị là người trực tiếp đưa rước cháu đi học, còn đối với anh T không đưa rước con được ngày nào.

Qua các lần Tòa án tiến hành giải quyết thì chị không đồng ý ly hôn với anh T, vì xác định bản thân còn thương chồng nhưng anh T đã cương quyết ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Nay theo yêu cầu của anh T, chị có ý kiến như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Đồng ý ly hôn với anh Lâm Đức T;
2. Về quan hệ nuôi con chung: Yêu cầu trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, vì hiện tại chị đang buôn bán tạp hóa và nuôi tôm trên 05 công đất tầm 03 mét do cha mẹ cho tại ấp L, xã Đ nên thu nhập ổn định mỗi tháng hơn 6.000.000 đồng (buôn bán tạp hóa hơn 4.000.000 đồng và nuôi tôm hơn 1.000.000 đồng/tháng);
3. Về quan hệ tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia và đã phân chia xong, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;
4. Về quan hệ nợ chung: Vợ chồng không nợ chung tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Tại phiên tòa:**

- Nguyên đơn anh Lâm Đức T vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên, đồng thời xác định con Lâm T Hưng vẫn phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác và Kiều M hiện đang buôn bán tạp hóa cách T học của con khoảng 50m. T hợp nếu Tòa án giao cho anh được quyền nuôi con, anh sẽ nhờ cha mẹ ruột anh trực tiếp nuôi.

- Bị đơn chị Lê Triệu Kiều M vẫn giữ nguyên ý kiến trình bày và yêu cầu như trên.

- Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng nguyên đơn anh Lâm Đức T, bị đơn

chị Lê Triệu Kiều M trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xem xét những vấn đề cụ thể như sau, về hôn nhân, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lâm Đức T với chị Lê Triệu Kiều M; về nuôi con chung, giao Lâm Trường H, sinh ngày 07/6/2016 là con chung của hai người cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con cùng chị M; về tài sản chung và về nợ chung, không có tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về tư cách tham gia tố tụng: Khi gửi đơn khởi kiện và được Tòa án thụ lý giải quyết vụ án thì nguyên đơn anh Lâm Đức T xác định, vợ chồng không tài sản chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì xác định được bà Dương Thị K là mẹ ruột nguyên đơn anh T có quản lý tài sản chung của vợ chồng, nhưng sau đó bà K đã giao trả lại toàn bộ tài sản đang quản lý cho anh T và giữa anh T với chị M đã tự thỏa thuận phân chia tài sản với nhau xong, không có tranh chấp. Do đó, trong vụ án này không đưa bà Dương Thị K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung: Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh T và bị đơn chị M thống nhất với nhau về con chung và người trực tiếp nuôi con từ khi vợ chồng ly thân đến nay, kể cả về tài sản và nợ. Thời điểm hai bên phát sinh mâu thuẫn và thời gian ly thân nhau. Theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX khẳng định đây là sự thật.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lâm Đức T và chị Lê Triệu Kiều M khi tổ chức hôn nhân, anh chị tự nguyện lấy nhau làm vợ chồng, đủ tuổi, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 04/8/2015. Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị M là hôn nhân hợp pháp phù hợp theo qui định tại các điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo anh T cho rằng nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do chị M có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác bên ngoài, thể hiện bằng việc chị M chụp hình chung và gọi điện thoại qua lại với người đàn ông mà chị M quen biết, nên từ đó anh không thể chấp nhận việc tiếp tục chung sống với chị M được nữa.

Xét về nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng theo ý kiến trình bày của anh T nêu trên là có phần chưa hợp lý. Bởi lẽ, anh T chỉ căn cứ vào 01 tấm hình chụp chung bình thường và nhật ký những cuộc gọi điện thoại qua lại lẫn nhau giữa hai người khác giới, mà cụ thể ở đây là chị M với người đàn ông lạ mặt thì anh đã khẳng định chị M ngoại tình, ngoài ra không còn lý do hay chứng

cứ nào khác để chứng minh lời nói của anh T là có căn cứ để HĐXX xem xét, trong khi chị M không thừa nhận.

Tại phiên tòa hôm nay, giữa anh T và chị M cùng thống nhất xác định không thể tiếp tục cùng nhau chung sống, anh T vẫn cương quyết xin ly hôn với chị M và chị M cũng đồng ý. Mặc dù Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng vẫn không có kết quả và thực tế anh chị đã thật sự ly thân nhau từ ngày 22 tháng 9 năm 2019 đến nay. Từ đó cho thấy, hôn nhân giữa anh T và chị M không khả năng đoàn tụ, tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích, đánh giá trên thấy rằng việc thuận tình ly hôn giữa anh Lâm Đức T và chị Lê Triệu Kiều M là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

- Về quan hệ nuôi con chung: Tại phiên hòa giải cũng như tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn yêu cầu được trực tiếp nuôi con, nhưng chị M không đồng ý giao con cho anh T nuôi mà chị M yêu cầu được nuôi con. HĐXX xét thấy, từ khi anh T và chị M ly thân đến nay con do chỉ một mình chị M trực tiếp nuôi dưỡng và có cho đi học, đồng thời chỉ duy nhất chị M là người đưa rước con đi học mỗi ngày, hơn nữa cháu vẫn phát triển bình thường như bao đứa trẻ khác (đã được anh T thừa nhận đúng). Anh T yêu cầu được nuôi con nhưng với đặc thù công việc của anh và tình hình thực tế từ khi vợ chồng còn sống chung và cho đến thời điểm này thì bản thân anh không có điều kiện để trực tiếp nuôi con (Bút lục số 49) cũng như đã được anh T thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 18/02/2020 và tại phiên tòa hôm nay. Trong khi chị M có nhà cửa riêng, mua bán tạp hóa hàng ngày và anh T, chị M xác định T học của cháu Hưng cách nhà chị M khoảng 50 mét. Hơn nữa, cháu Lâm T Hưng còn nhỏ (mới hơn 03 tuổi) nên rất cần có sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp của người mẹ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; T hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con;* ”.

Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị M, giao hai cháu Lâm Trường H, sinh ngày 07/6/2016 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng sau khi chị M và anh T ly hôn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị sau khi vợ chồng ly hôn là tự nguyện, hơn nữa theo ý kiến của chị M nêu ra và chứng cứ thu thập được thì hiện nay chị có nghề nghiệp và có thu nhập ổn định và có một phần đất được tặng cho riêng hơn 5.000m² nên có đầy đủ khả năng, điều kiện nuôi dưỡng con chung, do đó anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị M.

- Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Giữa nguyên đơn anh T và bị đơn chị M đã thống nhất xác định, vợ chồng tự thỏa thuận phân chia và đã phân chia xong không tranh chấp gì với nhau về tài sản chung, không nợ chung

tài sản gì đối với ai khác cũng không ai nợ vợ chồng, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn anh Lâm Đức T có đơn yêu cầu xin ly hôn nên anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015,

Áp dụng Điều 55, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1 - Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lâm Đức T với chị Lê Triệu Kiều M.

2 - Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung Lâm Trường H, sinh ngày 07/6/2016 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con cùng chị M sau khi vợ chồng ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3 - Về quan hệ tài sản chung và về quan hệ nợ chung: Không xem xét.

4 - Về án phí: Anh Lâm Đức T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0007622 ngày 24 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh; anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 25/5/2020).

T hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh KG;
- VKS huyện, tỉnh;
- Các Đ/s;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Lưu (HSVÀ, VPTA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Thị Mỹ Linh